

## CÁC HỘI ÁI HỮU NGƯỜI VIỆT Ở CAMPUCHIA NHỮNG NĂM 20, 30 CỦA THẾ KỈ XX

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Phú Thọ, Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Tuyết Nhung, e-mail: [nguyenthituyetnhung@hpu2.edu.vn](mailto:nguyenthituyetnhung@hpu2.edu.vn)

Ngày nhận bài: 25/2/2026. Ngày sửa bài: 14/4/2026. Ngày nhận đăng: 18/4/2026.

**Tóm tắt.** Trên cơ sở nghiên cứu các bản Điều lệ của các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia những năm 20, 30 của thế kỉ XX, bài báo muốn giới thiệu về sự ra đời cũng như sự đa dạng của các tổ chức Hội người Việt ở Campuchia. Vào những năm 20, 30 của thế kỉ XX, rất nhiều Hội Ái hữu của người Việt đã được thành lập, bao gồm các Hội theo nguồn gốc xuất xứ, các Hội theo nghề nghiệp và Hội theo tín ngưỡng, tôn giáo. Căn cứ vào mục đích thành lập cũng như các quy định về hoạt động của Hội có thể thấy các tổ chức Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia giai đoạn này mặc dù được thành lập dưới sự cho phép của chính quyền thực dân Pháp nhưng đây là những tổ chức mang nhiều ý nghĩa văn hóa – xã hội. Các hoạt động của Hội thể hiện những nét đẹp văn hóa truyền thống của người Việt khi xa quê hương, đó là sự đùm bọc, giúp đỡ nhau khi khó khăn, ốm đau, bệnh tật, thất nghiệp, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, theo đạo Phật. Thông qua các hoạt động của Hội, một mạng lưới giữa những người Việt đã được hình thành góp phần trợ giúp những người Việt mới di cư đến Campuchia hoặc những người gặp hoàn cảnh khó khăn khi sống xa quê hương, tạo nên một cộng đồng người Việt có tính gắn kết cao.

**Từ khóa:** Hội Ái hữu, người Việt, Campuchia, văn hóa, thời thuộc địa.

## VIETNAMESE MUTUAL ASSISTANCE ASSOCIATIONS IN CAMBODIA IN THE 1920s AND 1930s

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

*Hanoi Pedagogical University 2, Phu Tho, Vietnam*

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Tuyết Nhung, e-mail: [nguyenthituyetnhung@hpu2.edu.vn](mailto:nguyenthituyetnhung@hpu2.edu.vn)

Received February 25, 2026. Revised April 14, 2026. Accepted April 18, 2026.

**Abstract.** Based on an examination of the charters of Vietnamese Mutual Assistance Associations in Cambodia in the 1920s and 1930s, this article aims to examine the emergence as well as the diversity of Vietnamese Associations in Cambodia. During the 1920s and 1930s, numerous Vietnamese Mutual Aid Associations were established, including those based on place of origin, occupation and religion. An analysis of the founding purposes and operational regulations of these associations indicates that, although they were established with the permission of the French colonial authorities, they primarily functioned as organizations with significant socio-cultural functions. Their activities reflected traditional Vietnamese cultural values among overseas communities, including mutual support in times of hardship, illness, unemployment and misfortune, as well as the maintenance of spiritual practices such as ancestor worship and Buddhist observance. Through these activities, networks among Vietnamese migrants were formed, providing assistance to newly arrived migrants in Cambodia and to those facing difficulties while living abroad. Consequently, these Associations contributed to the development of a highly cohesive overseas Vietnamese community.

**Keywords:** Mutual Assistance Association, Vietnamese, Cambodia, culture, French colonial period.

## **1. Mở đầu**

Thời Pháp thuộc chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng số lượng người Việt ở Campuchia để phục vụ mục đích cai trị và khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân Pháp. Mặc dù làm nhiều ngành nghề khác nhau nhưng người Việt ở Campuchia cũng như ở các nước khác vẫn là một tổ chức xã hội có tính gắn kết cao. Sự gắn kết xã hội dựa trên các mối quan hệ vùng miền từ lâu đã là một đặc điểm của xã hội Việt Nam. Người di cư có xu hướng tập trung tại các khu vực mà người dân quê hương của họ đã định cư để làm việc và sinh sống. Không những tập trung sinh sống theo xóm làng mà người Việt còn tổ chức thành các Hội để hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau. Vào thập niên 20, 30 của thế kỉ XX rất nhiều tổ chức Hội người Việt ở Campuchia đã ra đời cùng với sự gia tăng số lượng người Việt ở các thành phố lớn của Campuchia, đặc biệt là ở Phnom Penh.

Các tổ chức Hội người Việt ở Campuchia đã được một số công trình nghiên cứu đề cập đến. Trong cuốn sách “*Việt kiều ở Campuchia*” và bài viết “*Đời sống Việt kiều tại Cao Miên*” của Lê Hương, tác giả đã đề cập đến sự thành lập của hai tổ chức Hội Việt kiều vào năm 1938 là “*Nam kì Ái hữu hội*” và “*Việt kiều tương tế*.” Tác giả nhận định đây là những tổ chức Hội đầu tiên ở Campuchia và chỉ hoạt động trong phạm vi nhỏ hẹp là “*phúng điếu hội viên và tứ thân phụ mẫu*” (Lê, 1971, p. 68). Trong cuốn “*Tư liệu lịch sử về phong trào Việt kiều yêu nước ở Campuchia*”, các tác giả đã nhắc đến sự thành lập của Cao Miên Phật giáo hội, do chính quyền thực dân Pháp thiết lập để tập hợp Việt kiều theo Phật giáo (Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến khối Việt kiều Campuchia yêu nước, 2004). Một số công trình nghiên cứu khác tìm hiểu về quá trình di cư của người Việt đến Campuchia, đời sống của những phu đồn điền cao su người Việt ở Campuchia. Cộng đồng người Việt ở Campuchia đã hình thành một bộ phận cư dân bên chặt giúp đỡ nhau và duy trì những nét bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc. Các làng người Việt đã được hình thành khá sớm ngay từ khi người Việt di cư đến Campuchia (Phạm, 1972; Nguyễn, 2006; Phan, 2018; Bùi, 2016). Tuy nhiên việc đề cập đến các hội nhóm người Việt thời Pháp thuộc chưa được các công trình nghiên cứu này đề cập đến.

Những công trình nghiên cứu trên đây chưa trình bày và đánh giá một cách đầy đủ về sự ra đời cũng như mục đích và hoạt động của các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia thời Pháp thuộc. Trên cơ sở nghiên cứu các bản Điều lệ thành lập các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia và các Báo cáo của chính quyền thực dân Pháp về tình hình người Việt ở Campuchia thời Pháp thuộc, bài viết muốn giới thiệu về sự ra đời và đa dạng của các tổ chức Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia những năm 20, 30 của thế kỉ XX, mục đích thành lập, thành phần, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức này cũng như rút ra một số nhận xét về vai trò của tổ chức này đối với cộng đồng người Việt ở Campuchia thời Pháp thuộc.

## **2. Bối cảnh ra đời các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia**

Năm 1863, chính quyền thực dân Pháp đã thiết lập được chế độ bảo hộ ở Campuchia. Để củng cố bộ máy cai trị và tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa, chính quyền thực dân Pháp đã tuyển dụng nhiều người Việt có trình độ học vấn vào các vị trí hành chính cơ sở và làm nhiều ngành nghề khác nhau như thư kí thông ngôn, kí lục trong các Tòa Công sứ, Sở Công chính, Kho bạc, Sở cảnh sát, làm giáo viên trong các trường học và làm bác sĩ, y tá trong các bệnh viện, trạm xá... (République française, 1925, pp131-271-273). Những viên chức làm việc trong các công sở hành chính này đều có bằng cấp và được tuyển dụng với mức lương cao.

Đến cuối những năm 20 của thế kỉ XX, chính quyền thực dân Pháp đẩy mạnh việc thành lập các đồn điền cao su ở Campuchia và việc thiếu hụt lực lượng lao động địa phương buộc chính quyền thực dân Pháp phải tuyển dụng nguồn lao động từ các vùng đông dân ở Bắc Kì và Trung Kì. Điều này dẫn đến số lượng người Việt ở Campuchia đã tăng nhanh vào những năm 20, 30 của thế kỉ XX. Vào năm 1921, số lượng người Việt ở Campuchia là 140 nghìn người (Gouvernement général de l'Indochine [GGI], 1931, p.63); năm 1931 là 176 nghìn người (GGI, 1932, p. 53); năm 1936 là 191 nghìn người (GGI, 1938, p. 21) và đến năm 1945 có trên 300 nghìn người Việt ở Campuchia (Câu

lạc bộ truyền thống kháng chiến khối Việt kiều Campuchia yêu nước, 2004, p. 12). Trong thời kỳ này, người Việt đến Campuchia định cư, làm ăn ở nhiều tỉnh, thành, nhưng chủ yếu tập trung ở thủ đô Phnom Penh là 18990 người, Takeo là 25510 người, Soairieng là 18370 người, Preyveng là 25580 người vào năm 1921 (Xem bảng 1).

**Bảng 1. Số lượng người Việt phân bố ở các tỉnh của Campuchia năm 1921**

(Đơn vị : người)

Tên tỉnh	Số lượng	Tên tỉnh	Số lượng
Battambang	6910	Preyveng	25580
Kampot	4640	Pursat	4190
Kandal	4220	Soairieng	18370
Kompong Cham	9130	Stung Treng	400
Kompong Chhnang	12500	Takeo	25510
Kongpong thom	5420	Phnom Penh	18990
Kratié	4360	Tổng	140220

Nguồn: (GGI, 1927, tr.34)

Trong thời kỳ này, người Việt đến Campuchia định cư, làm ăn ở nhiều tỉnh, thành, nhưng chủ yếu tập trung ở thủ đô Phnom Penh là 18990 người, Takeo là 25510 người, Soairieng là 18370 người, Preyveng là 25580 người vào năm 1921.

Người Việt khi di cư đến Campuchia cũng như ở các vùng đất khác, mặc dù làm nhiều ngành nghề khác nhau nhưng họ vẫn là một tổ chức xã hội có tính cô kết cao và vẫn lưu giữ những nét bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc. Họ thường sống tập trung thành xóm làng và thành lập các Hội để tương trợ và giúp đỡ nhau. Mặt khác, để thực hiện chính sách chia để trị và thu hút được lực lượng lao động người Việt sang các xứ Đông Dương làm việc, chính quyền thực dân Pháp đã cho phép thành lập các làng, các Hội của người Việt: “Vào năm 1929, một số lượng lớn người Bắc Kỳ đã tự nguyện di cư làm việc cho các ông chủ người Âu... nơi họ biết rằng họ có thể sống giống như ở Bắc Kỳ, đồng thời vẫn giữ được phong tục của gia đình” (Bunout, 1936, p. 74). Việc thành lập các làng, các hội vừa để quản lý chặt chẽ cộng đồng dân cư này vừa tạo được tâm lý tương trợ lẫn nhau trong lao động và sinh hoạt thường ngày của người Việt. Đối với các làng thì thành lập một ban Hương chức, đứng đầu các làng gọi là Chauvay Khand. Các Chauvay Khand lại chịu sự quản lý của quan chức người Campuchia và Công sứ người Pháp. “Một trong những Chauvay Khand người Việt đầu tiên là Ông Nguyễn Văn Ngâu, hay còn gọi là ông Tham Ngâu, được người Pháp chọn vào năm 1866. Ông đứng đầu một ban Hương chức toàn người Việt, quản lý cả hai làng Vĩnh Lợi Tường và An Bình” (Lê, 1971, p. 14). Trong các tổ chức Hội Ái hữu người Việt khi thành lập ở Campuchia phải được sự phê duyệt của Khâm sứ và có thành viên danh dự là các ông Khâm sứ, Công sứ các tỉnh.

### 3. Sự ra đời các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia những năm 20, 30 của thế kỷ XX

Trong những năm 20, 30 của thế kỷ XX, nhiều Hội Ái hữu khác nhau của người Việt ở Campuchia đã được thành lập. Một trong những Hội đầu tiên được thành lập là Câu lạc bộ Ái hữu của công chức và nhân viên bản xứ ở Campuchia được thành lập năm 1915, Hội Ái hữu nhân viên bản xứ các toà công sứ ở Campuchia được thành lập năm 1918 và Hội tương tế của các viên chức bản xứ thương mại và công nghiệp Campuchia được thành lập năm 1922. Các Hội Ái hữu người Việt Campuchia được thành lập rất đa dạng, có thể chia thành các Hội được thành lập bao gồm những người có cùng quê quán ở Nam Kỳ, ở Vĩnh Long hay cùng là Việt kiều ở Campuchia; có các Hội được thành lập bao gồm những người Việt có cùng nghề nghiệp như cùng làm ngành y,

cùng hoạt động trong lĩnh vực thương mại – công nghiệp hay cùng làm trong Sở Địa chính và Đo đạc, trong các tòa Khâm sứ; có các Hội bao gồm những người theo cùng tín ngưỡng, tôn giáo.

### **3.1. Các Hội được thành lập theo nguồn gốc quê quán**

Nam Kỳ Ái hữu hội được thành lập năm 1938. Bản Điều lệ Nam Kỳ Ái hữu hội được Khâm sứ Campuchia E.Guillemain phê duyệt vào ngày 25 tháng 5 năm 1938, đặt trụ sở tại Phnom Penh; nhằm thiết lập và củng cố mối quan hệ đoàn kết giữa những người Nam Kỳ ở Campuchia, hướng dẫn người mới tới, lập hoặc thuê trụ sở sinh hoạt văn hoá, giải trí, chơi thể thao, tạo thuận lợi cho người muốn hồi hương, lập một bệnh viện và một nghĩa trang cho người Nam Kỳ ở Campuchia (Amicale Cochinchinoise du Cambodge [ACC], 1943, p.3). Trong Điều lệ của Hội này đã ghi rõ mục đích thành lập là: “Lập thành và kết chặt dây liên ái giữa người Nam Kỳ; Giúp đỡ người mới đến cư ngụ; Lập một Hội quán vừa là nơi để cho các hội viên có thể tiếp đãi thân bằng, vừa là một phòng đọc sách, có nhiều cuộc tiêu khiển như hòa nhạc, diễn thuyết...tùy theo sức của hội; Tham dự vào các môn thể thao mà hội viên tập luyện để giúp ích thêm cho họ; Giúp đỡ cho người đồng hương nghèo túng có phương kế về xứ sở, giúp việc tang sự, khi người trong hội hoặc cha mẹ, vợ, con người trong hội qua đời; Cấp tiền cho người góa phụ cùng trẻ mồ côi của hội viên qua đời; Cấp dưỡng những người trong hội bị thất nghiệp và tiếp giúp cho họ có công ăn việc làm, nêu hội có thể” (ACC, 1943, p.3). Trong danh sách thành viên sáng lập bao gồm các tham tá Văn phòng Tòa Khâm sứ, nhà thương nhân, thư kí chính, nhà báo. Bao gồm các ông Nguyễn Văn Day, Vương Quang Khiêm, Phạm Văn Lợi, Lê Quang Ngọc, Nguyễn Tấn Phát, Nguyễn Văn Thông, Cao văn Tuấn, Phan Hữu Xuân, Trần Văn Yanh (ACC, 1943, p.4).

Cao Miên Việt kiều Tương tế Hội được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 1938 và bản Điều lệ của Hội được thông qua ngày 25 tháng 11 năm 1938. Mục đích thành lập của Hội là: “Gây thành và kết giây liên lạc giữa anh em Việt kiều; Hướng dẫn người mới đến; Trong một ngôi nhà sẽ cất, thuê hoặc mua sau này, lập nên một nơi hội hiệp, vừa là hội quán, vừa là chỗ cho hội viên nhóm họp, tiếp đãi thân bằng, xem sách vở báo chí và tìm những sự giải trí: như âm nhạc, diễn thuyết vân vân, tùy theo tài chính của hội; Cấp tiền tử tuất cho người vợ góa, hoặc con mồ côi của hội viên qua đời; Cấp tiền cho những hội viên thất nghiệp và nếu có thể, tìm cho họ có công việc làm ăn; Giúp đỡ về phương diện tinh thần và theo tài chính của hội, những hội viên hoặc gia quyến hội viên bị hoạn nạn, bệnh tật hoặc những nỗi gian nan khác; Giúp đỡ những người đồng xứ nghèo túng để họ về tới nguyên quán” (Cao Miên Việt kiều tương tế hội [CMVKTTH], 1939, p.19). Trong danh sách thành viên sáng lập của Hội bao gồm những người có chức vụ trong các cơ quan hành chính ở Campuchia như ông Đào Trọng Đủ, tham tá Sở Thương chính Phnom Penh; Hà Đình Tuyên, tham tá Sở Địa chính Phnom Penh; Nguyễn Cầu, tham tá Sở Công Chính Phnom Penh; Lý Hữu Dur, Chủ thư quán “Trường Xuân” Phnom Penh, và các thư kí kế toán như ông Nguyễn Duy Thịnh, Cao Phùng, y sĩ Nguyễn Văn Hiện, thư kí Sở Bưu chính Ngô Thông.. (CMVKTTH, 1939, p.14).

Hội Tương tế những người gốc Vĩnh Long cư trú tại Campuchia được thành lập năm 1942 và bản Điều lệ của Hội được Khâm sứ Campuchia phê duyệt vào ngày 27 tháng 11 năm 1942. Hội được thành lập bao gồm các quan chức, nhân viên của các cơ quan hành chính, thương mại, công nghiệp cùng các thương nhân và các nhà công nghiệp có nguồn gốc ở tỉnh Vĩnh Long cư trú tại Campuchia. Mục đích thành lập của Hội này là nhằm tạo lập và duy trì mối quan hệ thân tình giữa những người dân tỉnh Vĩnh Long thông qua việc thăm hỏi, động viên nhau trong các dịp lễ tết truyền thống hoặc khi có các hội viên bị đau yếu, gia đình có tang sự; lo liệu chi phí mai táng cho các thành viên tham gia và gia đình đã khuất của các hội viên, hỗ trợ cho các hội viên khi bị ốm đau, tai nạn, thất nghiệp; trợ cấp cho các góa phụ, trẻ mồ côi của các thành viên tham gia và người mới qua đời; tìm kiếm việc làm cho các hội viên bị thất nghiệp; cung cấp thông tin cho người dân tỉnh Vĩnh Long đến Campuchia tìm việc làm hoặc đi du lịch (Mutuelle des Originaires de Vinh long, 1944, pp. 1-2).

### 3.2. Các Hội được thành lập theo nghề nghiệp của người Việt ở Campuchia

Hội Ái hữu nhân viên bản xứ các toà Công sứ ở Campuchia được thành lập vào năm 1918. Mục đích của Hội là phát triển tình đoàn kết giữa các thành viên, giúp đỡ về mặt tinh thần và tài chính trong khả năng của Hội cho các thành viên của Hội và gia đình của họ khi họ gặp khó khăn, lo liệu tang lễ cho thành viên của Hội; nghiên cứu các vấn đề chuyên môn và xem xét bất kì cải cách hoặc đổi mới nào có thể liên quan đến chuyên môn cũng như phát triển chuyên môn (Association Amicale du Personnel Indigène des Résidences du Cambodge [AAPIRC], 1924, p.1). Trong danh sách thành viên của Hội bao gồm các thư kí, kí lục và kê toán trong các Tòa Khâm sứ và Công sứ ở các tỉnh của Campuchia, Sở Nông nghiệp, Sở Thú y. Trong văn phòng Tòa Khâm sứ có các thành viên làm thư kí chính như Nguyễn Văn Trà, Nguyễn Văn Giáp, Lý Tân Phước, Nguyễn Văn Thân, Trương Văn Dược. Trong các văn phòng số 1, số 2, số 3, số 4, Tòa Công sứ Kandal, Kompong Speu, Takeo, Kampot, Prey Veng, Soairieng, Kompong Cham, Kratié, Stungtreng, Kompong Chhnang, Pursat, Kompong Thom, Battambang, Sở Nông nghiệp, Sở Thú y, Sở Cảnh sát cũng bao gồm những người làm thư kí chính và thư kí. Bên cạnh đó, trong tổ chức Hội này không chỉ có người Việt mà còn có sự tham gia của một số người nước ngoài khác và người Campuchia, tuy nhiên người Việt vẫn chiếm đa số trong Hội này (AAPIRC, 1924, p.1-2).

Hội Tương tế của các viên chức bản xứ thương mại và công nghiệp Campuchia được thành lập ngày 17 tháng 12 năm 1922. Điều lệ của Hội được quan Khâm sứ Campuchia thông qua ngày 15 tháng 1 năm 1923, gồm 73 điều quy định về: Mục đích, chức năng, trụ sở của Hội, cơ cấu tổ chức của Hội, việc tổ chức đại hội, điều kiện gia nhập và giải thể. Trong Điều lệ Hội Tương tế của các viên chức bản xứ ngành công thương ở Campuchia quy định mục đích của Hội là giúp đỡ về tinh thần và tài chính trong khả năng của mình cho các thành viên của Hội và gia đình của họ theo các điều kiện được quy định; Duy trì và phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các nhân viên bản xứ trong lĩnh vực công thương nghiệp tại Campuchia; Thiết lập dịch vụ giới thiệu việc làm miễn phí cho các thành viên; Thành lập, ngay khi nguồn lực của Hội cho phép, một nghĩa trang và dịch vụ tang lễ phục vụ nhu cầu của Hội (Association Mutuelle des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Cambodge [AMEICIC], 1925, pp.1-2). Trong danh sách các Hội viên của Hội bao gồm những người làm việc trong Ngân hàng Đông Dương; những người làm trong Công ty ô tô và xe đạp; Công ty cung cấp nước và điện; làm việc cho Công ty vận tải đường thủy; các thương nhân và công nghiệp; các nhà thầu khoán. (AMEICIC, 1925, pp.17-18)

Hội Tương tế nhân viên Đông Dương thuộc Sở Địa chính và Đo đạc ở Campuchia được thành lập vào năm 1944, trụ sở tại Phnom-Penh; nhằm đoàn kết các nhân viên Đông Dương của Sở, giúp đỡ các gia đình hội viên, lập trụ sở hội họp giải trí, xây dựng nhà nghỉ hoặc nơi nghỉ mát cho hội viên và gia đình (Mutuelle du Personnel Indochinois du Cadastre et de la Topographie du Cambodge, 1944, pp. 1-2).

Hội Ái hữu nhân viên bản xứ ngành Y tế Campuchia, trụ sở tại Phnôm-Pênh được thành lập vào năm 1937; nhằm đoàn kết, giúp nhau khi có tang ma, giúp đỡ về tinh thần, tiền bạc khi có khó khăn, nghiên cứu các vấn đề nghiệp vụ và xem xét các cải cách, thỉnh cầu liên quan đến nghiệp vụ y tế. Hội được thành lập nhằm mục đích thúc đẩy tình bạn, tình đồng chí giữa các thành viên bằng cách tạo cơ hội cho họ gặp gỡ và trao đổi ý kiến; Lo liệu tang lễ cho họ và gia đình họ; Giúp đỡ về tinh thần và tài chính cho các thành viên khó khăn của Hội; Nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, xem xét bất kì cải cách hoặc kiến nghị nào có thể liên quan đến chuyên môn” (Amicale du Personnel Indigène de l'Assistance Médicale du Cambodge [APIAMC], 1937, p.1). Thành viên của Hội bao gồm những người làm việc trong lĩnh vực y tế như các bác sĩ, thư kí, y tá, nữ hộ sinh.

### 3.3. Các Hội được thành lập theo tín ngưỡng, tôn giáo

Người Việt khi sống xa quê hương vẫn duy trì theo đạo Phật. Vì vậy, ngoài các hội được thành lập theo quê quán, theo công việc thì người Việt còn thành lập một tổ chức bao gồm những người theo đạo Phật là Cao Miên Phật giáo Hội. Hội này được thành lập vào năm 1935. Điều lệ

cũ của Hội được phê duyệt vào ngày 15 tháng 07 năm 1935 và bản Điều lệ mới được phê duyệt vào ngày 22 tháng 6 năm 1938. Cao Miên Phật giáo Hội đặt trụ sở ở chùa Kim Chương, đường Stung Méanchey, Phnom Penh. Mục đích của Hội là lập một Pháp Bảo Viện có phòng đọc sách và mua những kinh sách về đạo Phật bằng chữ Pháp, chữ quốc ngữ và chữ Nho; lập một Hội quán để thực hiện các nghi lễ Phật vào ngày mùng một và rằm mỗi tháng; thuyết pháp cùng viết kinh sách quốc ngữ để giảng dạy về nguyên tắc và giáo lý của đạo Phật (Association Bouddhique Annamite au Cambodge [ABAC], 1938, p.11).

#### **4. Các quy định trong Điều lệ và một số hoạt động của Hội**

Các tổ chức Hội Ái hữu của người Việt ở Campuchia về cơ bản đều có những điểm chung giống nhau trong các quy định về thành phần của Hội, việc Gia nhập – Miễn nhiệm – Loại bỏ – Khai trừ; những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các hội viên đối với Hội; tài sản của Hội; trách nhiệm của Hội đối với các hội viên; những quy định về Ban lãnh đạo – Ban Trị sự của Hội, quyền hạn của các Ủy viên Ban Trị sự; những sửa đổi điều lệ, giải thể Hội. Tuy nhiên có một số điểm khác biệt cơ bản của các tổ chức Hội này như phí gia nhập hội, tiền đóng của các hội viên và một số hoạt động của Hội.

##### **4.1. Về thành phần của Hội**

Thành phần của các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia bao gồm có Danh dự hội trưởng, Danh dự hội viên, sáng lập hội viên và hội viên. Hội đặt dưới quyền bảo vệ của các vị Danh dự hội trưởng. Danh dự hội viên là những người có thể lực hỗ trợ về tinh thần cho Hội. Sáng lập hội viên là những người là những người đã có công trong việc thành lập Hội. Sáng lập hội viên đều hưởng đồng quyền lợi và chịu đồng phận sự như các hội viên của Hội. Hội viên là những người tuân theo điều lệ của Hội và được hưởng quyền lợi trong Hội (CMVKTTH, 1939, p.20).

Đối với Cao Miên Việt kiều Tương tế Hội quy định về thành phần của hội bao gồm có Danh dự hội trưởng và hội viên; Sáng lập hội viên; Thường trợ hội viên. Danh dự hội trưởng gồm có Khâm sứ Thibaudeau, Quốc vương Campuchia Sisowath Monivong và một số Công sứ người Pháp là Émile Desenlis, Georges Doucet, Henri Virgitti. Những thành viên sáng lập hội bao gồm có Đào Trọng Đủ, Hà Đình Tuyên, Nguyễn Cầu, Lý Hữu Dur, Nguyễn Duy Thịnh, Nghiêm Sĩ Sành, Phạm Chí Thành, Lê Duyệt, Đông Sĩ Nga, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Thông, Võ Thành Hay. Đỗ Lương Bá, Cao Phùng, Nguyễn Khoa Bội Lan (CMVKTTH, 1941, pp.1-2).

Đối với Cao Miên Phật giáo hội quy định về thành phần của Hội bao gồm Danh dự hội viên, Thường trợ hội viên, Thiện nam, tín nữ. Danh dự hội viên là những người có địa vị, có đạo đức, giúp đỡ cho Hội được phát triển. Thường trợ hội viên là những người đóng tiền nhập Hội là 1 \$ và tiền đóng hàng tháng là 0,5 \$ đối với hội viên của Hội chánh Phnom Penh và 0,3 \$ cho hội viên ở các nơi khác. Thiện nam, tín nữ là những người đến dự cuộc giảng thuyết và tế lễ, không phải đóng tiền nhập Hội và tiền lệ tháng, tuy nhiên họ không được quyền bàn bạc việc Hội và cũng không được hưởng quyền lợi trong Quy tắc của Hội (ABAC, 1938, p.11).

##### **4.2. Về điều kiện gia nhập Hội, nghĩa vụ của các hội viên**

Điều lệ của các Hội cũng quy định rõ điều kiện để được gia nhập Hội là hội viên phải từ 18 tuổi trở lên, phải có kế sinh nhai lương thiện, do hai hội viên giới thiệu, được đại đa số trong Ban Trị sự chấp thuận. Đàn ông hay đàn bà cũng có thể xin nhập Hội miễn là có đủ điều kiện nói trên, nhưng đàn bà có chồng thì phải có sự cho phép của chồng mới được vào Hội. Hội viên cũng được tự do xin ra Hội. Những Hội viên bị xóa tên khi không đóng tiền theo quy định hoặc bị can án, tình nghi về chính trị, cố ý làm thiệt hại cho Hội, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của Hội (CMVKTTH, 1939, pp.20-21).

Về nghĩa vụ của các hội viên đối với Hội được quy định với mức phí phải đóng góp hàng tháng khi các hội viên được nhận vào Hội. Mức phí này là khác nhau giữa các Hội. Trong Điều lệ của Cao Miên Việt kiều tương tế Hội đưa ra quy định người nào được hội nhận cho vào phải

đóng một số tiền nhập Hội là 1 \$. Khi nào đóng xong số tiền đó mới được coi là hội viên. Đối với tiền đóng hàng tháng, thường hội viên chia làm hai hạng: Hạng đóng mỗi tháng 0.6 \$, những hội viên ấy thuộc hạng A. Hạng đóng mỗi tháng 0,3 \$, được coi thuộc hạng B. Tiền lệ tháng bao giờ cũng phải đóng chỉ trừ khi hội viên bị thất nghiệp hoặc khi Hội đã chứng nhận rằng hội viên mắc bệnh. Tiền phụ nạp bất thường hội viên phải đóng lúc ngân quỹ của Hội chỉ còn dưới 400 \$. Tiền phụ nạp bất thường bằng tiền đóng góp một tháng, nghĩa là 0.60 \$ hạng A và 0.30 \$ hạng B. Nhưng Hội không được phép thu tiền góp bất thường trong ba tháng sau ngày Hội thành lập. Khi Hội viên đổi chỗ ở đều phải báo cho Ban Trị sự biết để cho dễ việc thư từ và thu tiền đóng góp ((CMVKTTH, 1939, pp.28-29). Một số Hội khác quy định mức phí gia nhập cao hơn là 2\$. Trong Điều lệ của Hội Ái hữu nhân viên bản xứ ngành Y tế ở Campuchia quy định mức phí để gia nhập hội là 2 \$, mức phí đóng góp hàng tháng được ấn định là 1\$ (APIAMC, 1937, p.3).

Có thể thấy rằng Mức phí gia nhập và đóng góp này là khá cao so với thu nhập của các viên chức người Việt làm việc ở Campuchia. Vì vậy dẫn tới nhiều hội viên đã không thanh toán được phí đóng góp hàng tháng và bị khai trừ ra khỏi Hội. Trong biên bản họp Đại Hội đồng thường niên Câu lạc bộ Ái hữu của công chức và nhân viên bản xứ ở Campuchia ngày 10 tháng 1 năm 1937 đã báo cáo khai trừ 13 hội viên do chậm đóng thanh toán tiền hàng tháng cho Hội. Một số hội viên của Câu lạc bộ đã đưa ra ý kiến giảm phí gia nhập của Hội từ 2 \$ xuống còn 1 \$ để khuyến khích các thành viên mới gia nhập, phí gia nhập hiện tại là một trở ngại lớn đối với người muốn tham gia Câu lạc bộ (Cercle Amical des Fonctionnaires & Employés Indigènes au Cambodge [CAFEIC], 1937, pp.2-5).

#### 4.3. Cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ban Trị sự

Ban Trị sự của các các Hội gồm có: Chánh hội trưởng, Phó Hội trưởng, Tổng thư kí, Phó thư kí, Chánh Thủ quỹ, Phó Thủ quỹ, Quản sự, Cố vấn (CMVKTTH, 1939, p.22) [12; 22].

Các thành viên của Ban Trị sự do Ban Hội đồng cử, các thành viên này có thể tái cử được mãi. Nếu trong một Đại hội đồng bất thường, phần đông hội viên đều tỏ sự bất tín nhiệm Ban Trị sự thì Ban Trị sự phải từ chức ngay, rồi Ban Trị sự khác cũng do Đại hội đồng cử ra thay, sẽ làm việc cho tới kì Đại hội đồng thường niên.

Về hoạt động của Ban Trị sự và Đại hội đồng: Ban Trị sự họp ít nhất mỗi tháng một lần, hoặc có thể họp theo yêu cầu của Chánh hội khi phần đông hội viên có ý kiến. Đại hội đồng họp mỗi năm một lần bao gồm tất cả các hội viên để nghe tờ trình của Chánh hội trưởng về tình hình hoạt động và tài chính của Hội và tờ trình của Ban kiểm soát; Đề cử Ban Trị sự mới; Đề bàn về các khoản trong Điều lệ; nghe những lời thỉnh cầu của các hội viên. Bên cạnh đó Ban Trị sự có thể mời hội viên họp Đại hội đồng bất thường. Đại hội đồng bất thường họp nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách do Ban Trị sự đề xướng, đề bầu Ban Trị sự khác làm việc cho tới Đại hội đồng thường niên khi nào Ban Trị sự hiện hành bị mất tín nhiệm của đại đa số hội viên (CMVKTTH, 1939, pp.26-27).

Trong biên bản Đại hội đồng thường niên của Hội Ái hữu nhân viên bản xứ các toà công sứ ở Campuchia và Câu lạc bộ ái hữu của công chức và nhân viên bản xứ ở Campuchia đã ghi lại các cuộc họp bầu ban Trị sự mới. Trong cuộc họp Đại hội đồng thường niên của Câu lạc bộ ái hữu của công chức và nhân viên bản xứ ở Campuchia ngày 29 tháng 12 năm 1940 bầu ban Trị sự mới đã ghi biên bản về kết quả phiếu bầu: Tổng số hội viên của Hội là 273 hội viên, số phiếu bầu là 232, số phiếu hợp lệ 210. Kết quả là Ông Trần Văn Phép trúng cử Chủ tịch Câu lạc bộ với 206 phiếu, Phó chủ tịch là ông Đặng Thái Dân với 156 phiếu, Tổng thư kí là ông Nguyễn Công Trang với 152 phiếu, Phó thư kí là Nguyễn Văn Võ với 150 phiếu, Thủ quỹ ông Nguyễn Văn Võ với 150 phiếu, phó Thủ quỹ là ông Trương Công Nghi với 150 phiếu, các cố vấn gồm có ông Nguyễn Văn Lai, Trần Văn Quoi, Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Đông (CAFEIC, 1940, pp.8-11).

Về tài sản của Hội gồm có tiền nhập hội, tiền lệ tháng, tiền phụ nạp bất thường; tiền thu được từ các cuộc lễ của Hội tổ chức, tiền lãi từ Ngân hàng, tiền trợ cấp của Chính phủ thuộc địa cho (CMVKTTH, 1939, p28).

#### **4.4. Một số hoạt động của Hội**

Các hoạt động của Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia giai đoạn này tập trung vào việc trợ cấp cho các hội viên khi ốm đau, thất nghiệp hay gia đình có tang sự. Trong Điều lệ của các Hội Ái hữu quy định rõ nghĩa vụ của Hội đối với hội viên và mức trợ cấp là khác nhau giữa các Hội.

Trong Điều lệ của Cao Miên Việt kiều Trương tế Hội đã đưa ra quy định về phân sự của Hội đối với hội viên. Hội sẽ trợ cấp những “thường hội viên” thất nghiệp: tiền trợ cấp cho hội viên thất nghiệp là 30 \$ hạng A, 15 \$ hạng B (CMVKTTTH, 1939, pp.30-31). Khi một thường hội viên qua đời, bất luận nhập hội ngày nào, hội đều giúp việc mai táng bằng một số tiền trợ cấp 30 \$ hạng A, 15 \$ hạng B. Khi vợ hoặc chồng một hội viên qua đời sẽ nhận được một món tiền tử tuất 30\$ hạng A và 15 \$ hạng B, nhưng hội viên ấy phải đủ 6 tháng tính từ ngày nhập hội. Hội còn trợ cấp mai táng bằng một số tiền ấn định là 20 \$ cho hội viên hạng A và 10 \$ cho hội viên hạng B, nhưng hội viên ấy phải đã góp đủ tiền lệ tháng và đã nhập hội được 6 tháng. Nếu một hội viên đau yếu hoặc vì tai nạn bị thương tích và nếu được một viên Quản sự chứng nhận rằng hội viên ấy túng thiếu, thì hội cấp cho một số tiền phụ cấp bệnh tật hay hoạn nạn mỗi ngày là 0.40 \$ hạng A và 0.20 \$ hạng B, kể từ ngày thứ mười một sau lúc mắc bệnh hoặc bị nạn (CMVKTTTH 1939, pp.30-31).

Trong biên bản cuộc họp Đại hội đồng của Hội Ái hữu nhân viên bản xứ các Tòa công sứ ở Campuchia ngày 10 tháng 01 năm 1931 đã ghi lại một số hoạt động của Hội. Trong năm 1931, rất nhiều hội viên và người thân của các hội viên qua đời như ông Ngô Ngọc Cam, Ngô Thông Minh, Trần Quang Minh, Trần Văn Nghe, mẹ ông Nguyễn Hữu Lợi, mẹ ông Lê Tông Văn, cha ông Chau Nam, mẹ ông Nguyễn Văn Mía, vợ ông Trần Văn Đàng, mẹ vợ ông Nguyễn Phú Quôi... Vì vậy số tiền của Hội chi cho cứu trợ và tiền tử tuất lên tới 1130\$, chiếm tới hơn 60 % số tiền cho các hoạt động chi của Hội, bên cạnh đó là các khoản chi để trang bị trụ sở chính và in lại các Điều lệ, tài liệu in ấn cần thiết cho hoạt động của văn phòng hành chính (AAPIRC, 1932, pp.3-4).

***Bảng 2. Thu chi tài chính năm 1931 của Hội Ái hữu nhân viên bản xứ các Tòa Công sứ ở Campuchia***

Tiền thu	Tiền mặt hiện có tính đến ngày 31 tháng 12 năm 1930	306.18 \$
	Đóng góp hàng tháng	1 099 \$
	Phí nhập hội	10 \$
	Số tiền nhận được từ ngân hàng	550 \$
	Tổng	1965.18 \$
Tiền chi	Tiền cứu trợ và tử tuất	1130 \$
	Tiền thưởng và các khoản khác	401.75 \$
	Tiền thuê – mua đồ nội thất	300 \$
	Tiền in ấn	110 \$
	Tổng	1847.75 \$
Tiền mặt hiện có tính đến ngày 31 tháng 12 năm 1931		117.43 \$
Tiền gửi tại ngân hàng (cả vốn và lãi)		991.10 \$
Tiền trái phiếu		52.57 \$
<b>Số tiền của Hội tính đến ngày 31 tháng 12 năm 1931</b>		<b>1161.10 \$</b>

*Nguồn: (AAPIRC, 1932, tr.3-4)*

Bên cạnh các hoạt động trợ giúp và lo liệu tang lễ, Hội còn tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho hội viên như mua báo và tạp chí, tổ chức các chuyến tham quan và du lịch, mua máy thu radio. Ngoài ra, Hội còn bàn các vấn đề để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho các hội viên, xem xét nguyện vọng của các hội viên và đề xuất mời một số quan cai trị làm Danh dự hội viên (AAPIRC, 1932, pp. 8-10).

Cao Miên Phật giáo hội có những quy tắc hoạt động riêng về tôn chỉ của Hội, phận sự của hội viên, Ban Quản lý, Ban Đạo sự, tổ chức các phái. Trong tôn chỉ của Hội đã ghi rõ những việc của Hội định làm: truyền bá giáo lý đạo Phật, chấn chỉnh nghi thức thờ phụng và các cuộc lễ; Bồi đắp địa vị thanh cao cho Sư tăng tinh thông Phật pháp, thực hành giới, luật; Trợ cấp những vị phát tâm tu hành chánh đạo; Làm các việc phước thiện tùy thời thế và tài lực của Hội. Hội sẽ dựng một Hội quán có một ngôi chùa để thờ Phật tổ, có nhà hậu để thờ các Hội viên quá vãng; Một Pháp Bảo viện để dự trữ kinh, sách, báo chí của Hội và của hội viên tặng, được cho hội viên đến xem hoặc làm tài liệu nghiên cứu đạo Phật (ABAC, 1938, pp.19-20). Để đạt được các mục đích của Hội đề ra, Ban Quản lý tổ chức các phái sau: Phái Diễn thuyết để giúp Ban Đạo sự về các cuộc thuyết pháp và các việc diễn dịch kinh sách; Phái Hộ đạo cư sĩ lo về phần thực hành quy giới nhà Phật, khuyến hóa về việc trai tâm trì giới và hội niệm trong các cuộc lễ Phật, Phái cổ động để đi các nơi, truyền bá mục đích của Hội cho những người đạo tâm được biết; Phái Hộ tống lo giúp việc sắp đặt và hộ niệm trong những cuộc tống chung; Phái Linh xa để coi sóc về Linh xa của Hội; Phái Phụng điều để đi điều tang và điều đình với tang gia ở xa; Phái Nghĩa địa để lo sắp đặt các việc về nghĩa địa (ABAC, 1938, p.27).

#### 4.5. Một số nhận xét về các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia

Vào những năm 20, 30 của thế kỉ XX, rất nhiều tổ chức Hội Ái hữu người Việt được thành lập ở Campuchia. Đây cũng là khoảng thời gian mà số lượng người Việt ở Campuchia đã tăng lên nhanh chóng do nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực của chính quyền thực dân Pháp làm việc trong bộ máy hành chính và trên các đồn điền cao su, hầm mỏ, công trường xây dựng để phục vụ công cuộc cai trị và khai thác thuộc địa. Cùng với sự gia tăng số lượng người Việt ở Campuchia, nhu cầu hội họp, giúp đỡ lẫn nhau giữa những người Việt khi sống xa quê hương ngày càng tăng lên. Mặc dù làm nhiều ngành nghề khác nhau, nhưng cộng đồng người Việt ở Campuchia vẫn là một tổ chức xã hội có tính cố kết cao. Họ vẫn lưu giữ những nét bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc. Căn cứ vào bản Điều lệ của các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia, có thể thấy các quy định của các Hội này khá chặt chẽ. Các tổ chức này mang ý nghĩa về mặt văn hóa cộng đồng, thể hiện sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn, đặc biệt là việc giữ gìn phong tục thờ cúng tổ tiên, tổ chức tang ma và xây dựng mộ phần khi các hội viên hoặc người thân của họ mất và còn đấu tranh cho quyền lợi của các viên chức người Việt ở Campuchia về mức lương và đãi ngộ.

Mặc dù vậy, các Hội Ái hữu này vẫn chỉ hoạt động trong phạm vi nhỏ hẹp, tập trung vào việc giúp đỡ cho các hội viên khi ốm đau, thất nghiệp, gia đình có tang sự và đề xuất sự trợ giúp của chính quyền thực dân để thực hiện một số quyền lợi cho các hội viên. Các Hội này cũng được thành lập dưới sự bảo trợ và cho phép của của chính quyền thực dân Pháp và có thành phần của Hội là Danh dự hội trưởng là những người có vị trí cao trong bộ máy của chính quyền thực dân Pháp ở Campuchia như Khâm sứ Campuchia, Công sứ các tỉnh và Quốc vương Campuchia để giúp đỡ Hội. Trong Điều lệ của các Hội cũng quy định nghiêm cấm các thảo luận về chính trị và tôn giáo. Biên bản các cuộc họp Đại hội đồng cũng phải được quan cai trị Pháp phê duyệt. Do vậy, có thể thấy các Hội Ái hữu này là một phương tiện để các nhà cầm quyền thực dân Pháp theo dõi, khống chế và quản lý chặt chẽ các hoạt động của người Việt ở Campuchia.

Những hội viên của các Hội Ái hữu này đều là các viên chức làm việc trong Bộ máy hành chính của chính quyền thực dân Pháp ở Campuchia. Họ có mức lương tương đối cao và ổn định so với đại đa số những lao động người Việt làm việc trên các đồn điền cao su hay trong các công trình giao thông vận tải. Vào năm 1937, mức lương của một số hội viên Hội Ái hữu làm việc trong các tòa Công sứ ở Campuchia như tham tá hạng hai được hưởng mức lương là 1920 \$; tham

tá hạng 4 có mức lương là 1644\$; thư kí chính hạng một có mức lương là 1644\$, thư kí chính hạng hai là 1428\$; các thư kí hạng 7, hạng 8 thì dao động mức lương từ 500\$ đến 600\$ (AAPIRC, 1937, pp.1-12). Do vậy, mức phí gia nhập Hội cũng như mức phí đóng góp hàng tháng để được hưởng các quyền lợi khi tham gia Hội cũng rất cao. Vì vậy, các tổ chức Hội này không thu hút được đông đảo số lượng người Việt ở Campuchia tham gia. Sự trợ giúp của các Hội đối với các hội viên cũng chỉ dừng lại giúp đỡ cho giới viên chức, “không ai đặt kế hoạch giúp đỡ kiều bào nghèo đúng với ý nghĩa tương tế, ái hữu” nên lần lượt các hội này chỉ còn là “hu danh” (Lê, 1971, p. 68).

## **5. Kết luận**

Thời kì Pháp thuộc, cùng với việc đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa ở Campuchia số lượng người Việt cũng tăng lên nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu nhân lực của chính quyền thực dân Pháp. Điều này cũng kéo theo sự thành lập rất nhiều các tổ chức Hội Ái hữu của người Việt ở Campuchia vào những năm 20, 30 của thế kỉ XX.

Các Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia được hình thành khá đa dạng, bao gồm các Hội theo nguồn gốc quê quán, các Hội theo nghề nghiệp hoặc tín ngưỡng, tôn giáo. Thành phần tham gia các Hội Ái hữu bao gồm những người Việt làm việc ở nhiều ngành nghề khác nhau nhưng chủ yếu là các viên chức làm việc trong bộ máy hành chính của chính quyền thực dân hoặc làm thầu khoán, thương nhân. Các viên chức này có mức lương khá cao, ổn định và có địa vị trong bộ máy chính quyền thực dân. Một số Hội thành lập theo nghề nghiệp còn có sự tham gia của các hội viên người nước ngoài khi họ cũng mong muốn được hưởng sự trợ giúp theo các quy định của Hội.

Khác với hoạt động của các tổ chức chính trị khác của người Việt, các tổ chức Hội Ái hữu người Việt ở Campuchia được thành lập dưới sự bảo trợ của chính quyền thực dân Pháp và mang nhiều ý nghĩa về mặt văn hóa – xã hội. Mặc dù các Hội này còn nhiều hạn chế khi thành phần tham gia chủ yếu là các viên chức người Việt làm việc trong bộ máy hành chính của chính quyền thực dân Pháp nhưng các hoạt động của các Hội đã thể hiện sự đoàn kết, gắn bó của người Việt khi xa quê hương. Các quy định về thành phần của Hội, điều kiện gia nhập Hội, cơ cấu tổ chức của Hội và các hoạt động của Hội khá chặt chẽ theo mô hình của các Hội hiện đại.

Trong những năm 20, 30 của thế kỉ XX, có rất nhiều tổ chức Hội Ái hữu người Việt được thành lập ở hải ngoại như ở Pháp hay ở Lào. Năm 1919, có Hội Ái hữu các viên chức Việt làm việc trong các công sở hành chính Lào được thành lập. Năm 1931 có Hội Ái hữu người Việt ở tỉnh Khăm Muộn được thành lập. Thông qua các hoạt động của Hội, một mạng lưới giữa những người Việt đã hình thành ở Campuchia và các vùng đất hải ngoại. Điều này góp phần tăng thêm sự tin cậy và sự hỗ trợ cho những người Việt mới di cư đến. Đây cũng là một trong những lí do để giải thích vì sao số lượng người Việt di cư đến Campuchia thời Pháp thuộc tăng lên nhanh chóng.

Hiện nay cộng đồng người Việt ở nước ngoài vẫn lưu giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. Các Hội được thành lập theo nguồn gốc quê quán hay theo nghề nghiệp vẫn được hình thành ở những nơi có đông người Việt sinh sống, làm việc và học tập. Hoạt động của các Hội Ái hữu này đã góp phần trợ giúp những người Việt khi xa quê hương, tạo nên một cộng đồng người Việt ở hải ngoại có tính gắn kết cao.

**Ghi chú về tác giả:** TS Nguyễn Thị Tuyết Nhung là giảng viên Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Phú Thọ, Việt Nam.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ từ Đề tài cấp Bộ, mã số. B.2026-SP2-04, Cơ quan chủ trì: Trường ĐHSPT Hà Nội 2.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Amicale Cochinchinoise du Cambodge. (1943). *Statutes*. Phnom Penh: Imprimerie Henry (in French).
- Association Amicale du Personnel Indigène des Résidences du Cambodge. (1924). *Statutes – Constituent and Amending Articles 1924*. Saigon: Imprimerie J. Việt (in French).

- Amicale du Personnel Indigène de l'Assistance Médicale du Cambodge. (1937). *Statutes*. Phnom Penh: Imprimerie Henry. Phnom Penh: Imprimerie Henry (in French).
- Association Amicale du Personnel Indigène des Résidences du Cambodge. (1937). *Seniority Table of Native Personnel of the Residencies in Cambodia, Year 1937*. Phnom Penh: Imprimerie Henry (in French).
- Association Amicale du Personnel Indigène des Résidences du Cambodge. (1932). *Minutes of the General Assembly, January 10, 1932*. Phnom Penh: Imprimerie Henry (in French).
- Association Bouddhique Annamite au Cambodge. (1938). *Statutes*. Imprimerie Litho Nguyen Van Cua (in French).
- Association Mutuelle des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Cambodge. (1925). *Statutes*. Saigon: Imprimerie J. Việt (in French).
- Bùi, T. H. (2016). *Kĩ yếu phong trào công nhân Việt kiều yêu nước và các đồn điền cao su Campuchia*. NXB Quân đội nhân dân.
- Bunout, R. (1936). *Labor and Labor Legislation in Indochina: A Doctoral Thesis Defended*. Bordeaux Imprimerie - Librairie Delmas (in French).
- Cao Miên Việt kiều tương tế hội. (1939). *Điều lệ*. Sài Gòn: Imprimerier Duc Luu Phuong.
- Cao Miên Việt kiều tương tế hội. (1941). *Nội quy*. Imprimerier Chan Thanh.
- Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến khối Việt kiều Campuchia yêu nước. (2004). *Tư liệu lịch sử về phong trào Việt kiều yêu nước ở Campuchia*. NXB Mũi Cà Mau.
- Cercle Amical des Fonctionnaires & Employés Indigènes au Cambodge. (1937). *Minutes*. Phnom Penh: Imprimerie Henry (in French).
- Cercle Amical des Fonctionnaires & Employés Indigènes au Cambodge. (1940). *Minutes*. Phnom Penh: Imprimerie Henry (in French).
- Gouvernement général de l'Indochine [GGI]. (1927). *Statistical Yearbook of Indochina, First Volume 1913 – 1922*. Hanoi: Imprimerie d'Extrême – orient (in French).
- GGI. (1931). *Statistical Yearbook of Indochina, Second Volume 1923 – 1929*. Ha Noi: Imprimerie d'Extrême – orient (in French).
- GGI. (1932). *Statistical Yearbook of Indochina, Third Volume 1930 – 1931*. Hanoi: Imprimerie d'Extrême – orient (in French).
- GGI. (1938). *Statistical Yearbook of Indochina, volume 1936 – 1937*. Hanoi: Imprimerie d'Extrême – orient (in French).
- Lê, H. (1969). Đời sống Việt kiều tại Cao Miên. *Tập san Sử - Địa*.
- Lê, H. (1971). *Việt kiều ở Kampuchea*. Sài Gòn: NXB Trí Đăng.
- Mutuelle des Originaires de Vinh long, R. a. (1944). *Statutes*. Phnom Penh: Imprimerie Henry (in French).
- Mutuelle du Personnel Indochinois du Cadastre et de la Topographie du Cambodge. (1944). *Statutes*. Phnom Penh: Imprimerie Henry (in French).
- Nguyễn, Q.L. (2006). *Người Việt ở Thái Lan - Campuchia - Lào*. NXB Văn Nghệ TP. HCM.
- Phạm, Đ.T. (1972). *Lịch sử Campuchia*. NXB Quân đội Nhân dân.
- Phan, T.H.X. (2018). *Vai trò và những đóng góp của cộng đồng người gốc Việt ở Campuchia, Lào, Thái Lan trong giai đoạn hiện nay*. TP.HCM: NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- République française. (1925). *Official Bulletin of Cambodia, Year 1925*. Phnom Penh: Imprimerie du Protectorat.